

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HS-ST

Ngày 10 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Ngọc Đình và ông Lê Mạnh Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Liễu Văn V, sinh ngày 10/4/2001; ĐKHKTT: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh T; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Sán Diu; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Liễu Văn Th và bà Tạ Thị B; chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2019, có mặt.

2. Bùi Tiến N, sinh ngày 25/02/2000; ĐKHKTT: Thôn R, xã S, huyện S, tỉnh T; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn M và bà An Thị T; chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2019, có mặt.

Người bị hại:

1. Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Tam Đ (tức T), sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị Phương L, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Tạ Thị B, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

2. Chị Vũ Thị Nhung, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố Th, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Thanh Tùng, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Tiến N là người bán hàng thuê cho gia đình chị Phạm Thị Ng ở thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng 17 giờ ngày 13/4/2019, N đang ở nhà chị Ng thì chị Hoàng Thị Phương L điều khiển xe mô tô BKS 88E1- 136.14 đến, chị L nhờ N thay bóng đèn xe, N điều khiển xe đến cửa hàng anh Nguyễn Văn T ở thôn Đ, xã H, sau khi sửa xe xong N điều khiển xe về nhà ở huyện S. 21 giờ, N đến nhà Liễu Văn V chờ V đi chơi, trên đường V hỏi xe mô tô của ai, N nói mượn của chị L, V nói “lâu lắm không chơi, làm tý”, N hiểu ý nên nói “ừ” và bảo V cầm xe của chị L lấy tiền mua ma túy, V đồng ý. N nhắn tin cho Nguyễn Thanh T hỏi và nhờ T đưa đi cầm cố xe, N chờ V đón T. T đưa N và V đến nhà Lê Ngọc M ở xã Ph, huyện S, T nói với M “N muốn cầm xe, bạn xem có chỗ nào hỏi hộ nó”, M điện thoại bảo Phạm Quốc V đưa N đi cầm xe. V đến nhà M, V và N không nói cho T, M và V biết nguồn gốc chiếc xe mô tô, V điều khiển xe của mình, N điều khiển xe của chị L đến nhà anh Nguyễn Văn M. Gần đến nơi, V chỉ nhà và đứng ngoài đợi, N vào cầm cố chiếc xe mô tô BKS 88E1 - 136.14 cho anh M được 3.500.000đ, N không nói nguồn gốc chiếc xe. N cầm tiền đi ra cùng V về nhà M, N đưa cho V 2.000.000đ, V mua của M 01 gói ma túy đá với giá 2.000.000đ, V đưa gói ma túy cho N, N lấy một ít ma túy cùng T, V, M sử dụng, số còn lại N gói đưa cho V. Sau đó, V, N và T đi taxi về nhà V, V lấy một ít ma túy cả ba cùng sử dụng, số còn lại V chia làm 06 gói nhỏ để sử dụng dần, sau khi sử dụng ma túy T và N về. Chiều ngày 14/4/2019, N đến nhà V rủ đi chơi, khi đi V đem theo 06 gói ma túy, trên đường V đưa cho N 04 gói, V giữ lại 02 gói. N sử dụng hết 04 gói ma túy, V sử dụng 01 gói, còn 01 gói V giấu ở túi quần bên trái phía trước mục đích để V sử dụng. Ngày 15/4/2019 V và N đi chơi, N hỏi V còn ma túy không, V nói đã sử dụng hết, N không biết V còn 01 gói ma túy giấu ở túi quần.

Ngày 15/4/2019 chị Hoàng Thị Phương L và chị Phạm Thị Ng trình báo Công an huyện Tam Đảo.

Ngày 16/4/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo triệu tập Liễu Văn V và Bùi Tiến N, quá trình làm việc thu giữ: Tại túi quần bên trái phía trước của V 01 gói nilon màu trắng, viên túi màu xanh bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng đá, V khai là ma túy đá V giấu để sử dụng (niêm phong ký hiệu M1); N: 01 điện thoại di động Iphone màu trắng đen, 01 dao, 01 túi nilon bên trong có 40 ống hút nhựa.

Tại Bản kết luận giám định số: 666/KLGD ngày 20/4/2019 Phòng kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: “Tinh thể dạng đá của mẫu ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,1677g (Không phải một sáu bảy bảy gam, không kê bao bì), loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/NĐ - CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ”. Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trung cầu gồm: M1 = 0,0842 gam mẫu cùng bao gói được niêm phong.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 213/KL-HĐĐG ngày 22/4/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Tam Đảo, kết luận: Giá trị của tài sản xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave BKS 88 E1 - 136.14 là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định:

Về nguồn gốc ma túy: Liễu Văn V và Bùi Tiến N khai mua của chị M ở huyện S, tỉnh Tuyên Quang 01 gói, giá 2.000.000đ, N, V, M và T cùng nhau sử dụng ma túy tại nhà M, còn lại V chia thành từng gói nhỏ để sử dụng dần. Ngày 16/4/2019, V còn 01 gói giấu ở túi quần bên trái phía trước đang mặc thì bị Công an huyện Tam Đảo triệu tập lên làm việc và thu giữ; Lê Ngọc M không thừa nhận bán ma túy cho V. Ngày 09/7/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo chuyển nội dung vụ việc trên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương.

Đối với: Anh Phạm Quốc V, anh Nguyễn Thanh T và chị Lê Ngọc M không biết nguồn gốc xe Bùi Tiến N đem đi cầm cố; Bùi Tiến N không biết Liễu Văn V tàng trữ trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý; Nguyễn Văn M có quen biết chị M, nhiều lần chị M giới thiệu người vay tiền và có để xe máy lại để làm tin, anh M không nhớ ngày 13/4/2019 anh có cho N vay tiền và giữ lại chiếc xe mô tô hay không, tại nhà anh M không có chiếc xe nào đặc điểm như vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh.

Đối với: 01 dao và 01 túi nilon bên trong có 40 ống hút nhựa thu của Bùi Tiến N là của Liễu Văn V; 01 điện thoại di động Iphone là của Nguyễn Thanh T, Bùi Tiến N mượn của T để sử dụng không liên quan đến việc phạm tội.

Về dân sự: Chị Hoàng Thị Phương L yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000đ, Liễu Văn V và Bùi Tiến N đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị L.

Ngoài hành vi trên Liễu Văn V và Bùi Tiến N còn thực hiện hành vi cụ thể như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 10/4/2019, Liễu Văn V và Bùi Tiến N đang ở gia đình chị Phạm Thị Ng, V hỏi mượn chị Ng xe mô tô BKS 88D1 - 219.66 đi sinh nhật, chị Ng đồng ý, V điều khiển xe chở N đến quán Karaoke 86 ở thôn Đ, xã G, huyện B hát. 20 giờ, V và N thanh toán tiền hát thiếu 800.000đ, V nói với N “Tôi và bạn đi cầm cố chiếc xe của chị Ng lấy tiền trả tiền hát”, N đồng ý. V điều khiển xe chở N đến nhà chị Nguyễn Thị Nh cầm cố xe được 3.500.000đ, V và N đi taxi quay lại quán Karaoke trả số tiền 800.000đ, sau đó ra thành phố V chơi điện tử. Chiều ngày 11/4/2019, V và N về nhà chị Ng, chị Ng hỏi xe đâu, V nói đã cầm cố và hẹn đến ngày 12/4/2019 chuộc xe về trả. Do không có tiền

chuộc xe V bỏ về nhà, N vẫn ở làm thuê cho chị Ng. Ngày 12/4/2019, không thấy V trả xe, anh Nguyễn Tam Đ (chồng chị Ng) điện thoại, nhắn tin cho V đòi xe nhưng V không trả lời, ngày 13/4/2019 chị Ng và anh Đ đến nhà V thì V trốn không gặp.

Ngày 16/4/2019, chị Tạ Thị B (mẹ đẻ Liễu Văn V) giao nộp cho Công an huyện Tam Đảo 01 xe mô tô BKS 88 D1 - 219.66.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 214/KL-HĐĐG ngày 22/4/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Tam Đảo, kết luận: Giá trị của tài sản xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave BKS 88D1 - 219.66 là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định:

Chị Vũ Thị Nh không biết nguồn gốc chiếc xe Liễu Văn V cầm cố, Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo không đề cập xử lý.

Ngày 17/6/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo trả lại cho chị Phạm Thị Ng chiếc xe mô tô BKS 88D1 - 219.66, chị Ng không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Đối với số tiền chị Tạ Thị B chuộc xe là 3.500.000đ, chị yêu cầu Bùi Tiến N phải hoàn trả $\frac{1}{2}$ là 1.750.000đ, chị B không yêu cầu V phải hoàn trả. Bùi Tiến N đồng ý theo yêu cầu của chị B.

Tại Bản Cáo trạng số: 48/CT-VKSTĐ ngày 12/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố: Liễu Văn V về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Bùi Tiến N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị tuyên bố bị cáo Liễu Văn V phạm các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bùi Tiến N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55 Bộ luật hình sự, phạt: Liễu Văn V từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc Liễu Văn V phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 16/4/2019).

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bùi Tiến N từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 16/4/2019).

Đề nghị: Buộc Liễu Văn V và Bùi Tiến N liên đới bồi thường cho chị Hoàng Thị Phương L số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Trong đó, kỷ phần của mỗi bị cáo là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); Buộc Bùi Tiến N hoàn trả cho chị Tạ Thị B số tiền 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); Bồi thường, xác nhận và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo Liễu Văn V và bị cáo Bùi Tiến N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại là chị Nguyễn Thị Ng và anh Nguyễn Tam Đ (tức T), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Vũ Thị Nh, anh Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Thanh T nhưng sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Liễu Văn V và Bùi Tiến N thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thể hiện như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/4/2019 đến ngày 13/4/2019 Liễu Văn V và Bùi Tiến N đã mượn xe mô tô Wave BKS 88D1 - 219.66 (trị giá 8.500.000đ) của chị Phạm Thị Ng và xe mô tô Wave BKS 88E1 - 136.14 (trị giá 8.000.000đ) của chị Hoàng Thị Phương L đem cầm cố lấy tiền cùng nhau chi tiêu, sau đó V và N không trả lại tài sản. Ngày 16/4/2019 khi triệu tập làm việc với Liễu Văn V và Bùi Tiến N, Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo đã phát hiện, bắt quả tang Liễu Văn V đang cất giấu 01 gói ma túy (0,1677g, loại Methamphetamine), mục đích để V sử dụng, Bùi Tiến N không biết việc V cất giấu ma túy.

[4] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Hành vi mượn tài sản (xe mô tô của chị Phạm Thị Ng và xe mô tô của chị Hoàng Thị Phương L, tổng trị giá là 16.500.000đ) của Liễu Văn V và Bùi Tiến N đem đi cầm cố lấy tiền cùng nhau chi tiêu sau đó không có khả năng trả lại tài sản cho người bị hại đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b

khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự; hành vi cất giấu 0,1677g Methamphetamine, mục đích để sử dụng của Liễu Văn V phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự: “1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000đ đến dưới 50.000.000đ... ,thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...b) ..., mượn,... tài sản của người khác hoặc ...và đã sử dụng tài sản đó mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”.

Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...c)... Methamphetamine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

[5] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Liễu Văn V và Bùi Tiến N xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Liễu Văn V xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu khó lao động rèn luyện tu dưỡng bản thân mà thường xuyên tụ tập, chơi bời, rủ rê nhau lao vào các tệ nạn xã hội và phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với Liễu Văn V phạm nhiều tội (02 tội) nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo 02 lần cùng nhau thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Liễu Văn V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì: Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận ngày 17/6/2019 Cơ quan điều tra trả lại cho chị Phạm Thị Ng

chiếc xe mô tô BKS 88D1 - 219.66. Chị Ng không có yêu cầu đề nghị gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với:

Yêu cầu của chị Tạ Thị B (mẹ bị cáo Liễu Văn V) về số tiền chuộc xe là 3.500.000đ; Chị B không yêu cầu V hoàn trả, yêu cầu Bùi Tiến N hoàn trả số tiền 1.750.000đ, N đồng ý theo yêu cầu của chị B.

Yêu cầu của chị Hoàng Thị Phương L về việc yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá chiếc xe mô tô BKS 88E1 - 136.14 là 8.000.000đ, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị L.

Xét thấy, yêu cầu của chị B và chị L là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu tiêu hủy: 01con dao, 01 túi nilon bên trong có 40 ống hút nhựa; toàn bộ mẫu vật sau giám định do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn lại, gồm 0,0842 gam mẫu và toàn bộ bao gói do không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho anh Nguyễn Thanh T 01 điện thoại di động Iphone do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[11] Về án phí: Bị cáo Liễu Văn V và bị cáo Bùi Tiến N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Liễu Văn V phạm các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Bùi Tiến N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt: Liễu Văn V 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc Liễu Văn V phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 16/4/2019).

1.2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bùi Tiến N 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 16/4/2019).

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc: Bị cáo Liễu Văn V và bị cáo Bùi Tiến N phải liên đới bồi thường cho chị Hoàng Thị Phương L số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng); kỷ phần của Liễu Văn V là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), kỷ phần của Bùi Tiến N là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); Bị cáo Bùi Tiến N phải hoàn trả cho chị Tạ Thị B số tiền 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng

hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao, 01 túi nilon bên trong có 40 ống hút nhựa; toàn bộ mẫu vật sau giám định do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn lại, gồm 0,0842 gam mẫu và toàn bộ bao gói. Trả lại cho anh Nguyễn Thanh T 01 điện thoại di động Iphone. (Các vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/9/2019).

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Liễu Văn V và bị cáo Bùi Tiến N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Bị cáo, DS;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu